

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/DS-ST
Ngày 18 tháng 8 năm 2025
“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Sứ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.
2. Ông Nguyễn Bá Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đại Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST - DS ngày 18 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông C và bà Phạm Thị H. Địa chỉ: 15 A L, phường P, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị H1; địa chỉ: Hẻm thứ 3 của hẻm 196 L, tổ 10, phường I, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2025, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Giữa vợ chồng nguyên đơn là ông C, bà Phạm Thị H và bị đơn là bà Lê Thị H1 có quen biết nhau. Vào ngày 10 tháng 5 năm 2011, bà Lê Thị H1 có vay ông bà số tiền 100.000.000 đồng và viết giấy mượn tiền, thỏa thuận lãi từ ngày 10/5/2011 đến ngày 10/4/2014 là 60.250.000 đồng nhưng ông bà tính bớt chỉ còn 30.000.000 đồng, thời gian trả dần vào ngày 30 hàng tháng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng tiền

gốc và 500.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên từ khi vay đến nay, bà H1 chưa trả tiền gốc. Bà H1 chỉ trả được 14.000.000 đồng tiền lãi, mỗi lần trả 3.500.000 đồng vào các ngày 30/5/2014, ngày 30/6/2014, ngày 30/7/2014 (con bà H1 đưa tiền thay bà H1) và ngày 30/8/2014 (con bà H1 đưa tiền thay bà H1), bà H nhận tiền lãi và có viết tại giấy vay. Ông bà không đồng ý ý kiến của bà H1 xin trả 30.000.000 đồng và không có việc bà H1 nhờ người quen nào khác trả tiền lãi thay cho ông bà.

Nay, ông bà khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị H1 trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng, ông bà không yêu cầu trả lãi.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là bà Lê Thị H1 trình bày:

Giữa bà và vợ chồng ông C, bà Phạm Thị H là chỗ quen biết nhau. Bà có vay mượn của ông C và bà Phạm Thị H số tiền là 100.000.000 đồng, không nhớ thời gian vay mượn, vay có lãi và thời hạn trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng. Sau khi vay, bà có trả tiền lãi nhiều lần, có vài lần trả tiền lãi thì bà H ghi tại giấy mượn tiền, có lần thì đưa tiền mặt cho bà H nhưng không làm giấy giao nhận tiền. Khi thì bà nhờ người quen đưa tiền mặt nhưng đều không viết giấy giao nhận tiền. Số tiền bà trả và nhờ người quen trả thì ông C bà H nói chỉ trừ vào tiền lãi.

Nay, bà công nhận có nợ ông C và bà Phạm Thị H số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Do đang khó khăn nên xin ông C bà H1 cho trả 30.000.000 đồng trong vòng 2 tháng kể từ ngày 14/8/2025, số tiền còn lại cho xin. Trường hợp ông C và bà H1 không chịu thì bà chấp nhận để Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, chấp nhận theo bản án của Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Đảm bảo tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý, giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tại các Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, quan điểm giải quyết vụ án:

Áp dụng các Điều 117, 328, 351, 385, 463, 466 Bộ luật dân sự; Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C và bà Phạm Thị H ; Buộc bà Lê Thị H1 có nghĩa vụ trả cho ông C và bà Phạm Thị H số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông C và bà Phạm Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định của pháp luật. Bị đơn cư trú tại phường Ia Kring nay là Phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn là Lê Thị Hương trả số tiền gốc 100.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 10/5/2011 và giao nộp bản chính giấy vay tiền. Ông bà không yêu cầu trả tiền lãi.

Bà Lê Thị H1 thừa nhận có vay 100.000.000 đồng của nguyên đơn và còn nợ số tiền gốc này. Khoản vay có lãi và bà đã trả lãi nhiều lần nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do bà đang khó khăn nên xin ông C và bà H cho trả 30.000.000 đồng trong vòng 2 tháng kể từ ngày 14/8/2025, số tiền còn lại cho xin.

Xét, giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch vay tài sản bằng tiền, việc vay tiền được bị đơn thừa nhận, phù hợp chứng cứ nguyên đơn giao nộp. Do đó, có căn cứ xác định giao dịch vay tài sản này phù hợp với các quy định của pháp luật.

Căn cứ các Điều 351, 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015, bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị H1 phải trả cho ông C và bà Phạm Thị H số tiền gốc là 100.000.000 đồng.

Bà Lê Thị H1 xin trả 30.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý nên không được chấp nhận.

Về tiền lãi: Nguyên đơn chỉ thừa nhận số tiền lãi bị đơn đã trả là 14.000.000 đồng, các bên không tranh chấp về tiền lãi đã trả và nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Gia Lai là có căn cứ, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 117, 351, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông C và bà Phạm Thị H.

1. Buộc bị đơn là bà Lê Thị H1 trả cho ông C và bà Phạm Thị H số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Lê Thị H1 phải nộp 5.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông C và bà Phạm Thị H là 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 001351 ngày 20/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt nên thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 – Gia Lai;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Gia Lai;
- Đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Sứ